TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **194**/2017/DS-PT
Ngày 28-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Hùng

Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2017/ TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 21, ấp PB, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*: Bà Lý Ngọc H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33 ấp PB, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bà Lâm Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày: Vào ngày 20/9/2016, bà Lý Ngọc H có đến nhà của bà hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 10%/tháng. Đến ngày 20/10/2016, bà H có đến đóng lãi cho bà số tiền 1.000.000 đồng, từ đó cho đến nay bà H không đóng lãi, và trả vốn cho bà nữa.

Vào ngày 25/9/2016, bà H có chơi hụi ngày do bà làm chủ hụi, có 60 phần, bà H tham gia 20 phần, mỗi phần là 20.000 đồng, bà H đã hốt hụi xong nhưng chỉ đóng lại hụi chết tổng cộng 14 lần, còn lại 46 lần bà H chưa đóng.

Nay bà N yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/10/2016 đến ngày 20/5/2017, cụ thể: 10.000.000 đồng x 10%/tháng x 7 tháng = 7.000. 000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 17.000.000 đồng và tiền hụi 46 phần x 400.000 đồng = 18.400.000 đồng.

Tổng cộng tiền vay và tiền nợ hụi là 35.400.000 đồng.

Đối với bị đơn Lý Ngọc H, Tòa án nhân dân huyện CT đã tống đạt hợp lệ để tham dự phiên Tòa đến lần thứ hai mà bị đơn không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện CT thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay và lãi 17.000.000 đồng và tiền hụi ngày là 18.400.000 đồng. Tổng cộng 35.400.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/10/2017 bà Lâm Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay và lãi 17.000.000 đồng và tiền hụi ngày là 18.400.000 đồng. Tổng cộng 35.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lâm Thị N không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với phần tiền 10.000.000 đồng, theo nguyên đơn bà Lâm Thị N cho rằng đã có cho bị đơn bà Lý Ngọc H vay vào ngày 20/9/2016; tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2017 bà H không thừa nhận có vay khoản tiền trên. Như vậy trách nhiệm chứng minh thuộc về bên nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bị đơn có nhận số tiền vay là 10.000.000 đồng như nguyên đơn đã trình bày. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2] Đối với phần tiền hụi, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà N cho rằng bà có làm chủ 5 dây hụi ngày 20.000 đồng, mỗi dây đều có 60 phần, hụi được mở vào ngày 25/9/2016; bà H tham gia mỗi dây là 4 phần (chân), tổng số trong 5 dây hụi bà H tham gia là 20 phần. Bà H góp (đóng) được 13 lần, đến lần thứ 14 thì lãnh hụi (hốt hụi), còn lại 46 lần (hụi chết) bà H chưa góp với số tiền là 18.400.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2017 bà H thừa nhận có tham gia góp hụi cùng bà N, hụi đã mãn và bà đã góp đủ tiền hụi cho bà N. Cũng tại biên bản hòa giải nêu trên, bà N thừa nhận sau khi lãnh hụi bà H có góp cho bà được 43 lần, nhưng mỗi lần bà H chỉ góp có 70.000 đồng (lẽ ra phải góp mỗi lần hụi chết là 400.000 đồng) số tiền góp được là 3.010.000 đồng; số tiền hụi bà H còn nợ là 15.390.000 đồng.

[3] HĐXX xét thấy: Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà N xác định bà H đã góp được 14 lần hụi chết và còn nợ lại 46 lần phải góp là chưa chính xác. Bởi vì chính bà N xác định ngày bà H hốt 20 phần hụi là ngày 20/10/2016 tức là sau khi mở hụi được 25 ngày thì đúng ra bà H đã góp được 25 lần và còn nợ lại 35 lần chứ không thể là góp 14 lần và còn nợ 46 lần. Bà H cho rằng bà đã góp đủ phần hụi chết cho bà N cho đến khi mãn hụi, còn bà N thừa nhận bà H có góp cho bà được 43 lần, nhưng mỗi lần là 70.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N có cung cấp một quyển sổ mà bà N cho rằng bà có ghi chép đầy đủ số tiền do bà H đã góp cho bà, trong sổ ghi tên chồng bà H là B. Sau khi xem xét quyển sổ do bà N cung cấp, HĐXX xét thấy nội dung quyển sổ không thể hiện số tiền bà H góp hụi là bao nhiêu, trong 55 danh sách (mỗi ngày có một danh sách, bắt đầu từ ngày 25/9/2016) có một số danh sách ghi tên "B 70" theo bà N giải thích là 70.000 đồng, có một số danh sách ghi tên "B 20" bà N giải thích là 20 phần hụi; trong khi kế sau những tên khác cùng danh sách có ghi 1 hoặc 10 hoặc 30 thậm chí là 50 thì bà N giải thích đây là số phần hụi mà từng hụi viên tham gia.

Với lời trình bày còn nhiều mâu thuẫn lẫn nhau, với quyển sổ do bà N cung cấp tại phiên tòa không có nội dung rõ ràng và lời giải thích không hợp lý, bà N không chứng minh được số tiền hụi mà bà H còn nợ bà, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà H trả phần tiền hụi 18.400.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà N là không có căn cứ, cho nên HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà N, đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bà N không được chấp nhận và bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên cho nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Riêng đối với bị đơn bà Lý Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[5] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như HĐXX đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về kháng cáo của đương sự, xét thấy việc kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay và lãi 17.000.000 đồng và tiền hụi ngày là 18.400.000 đồng. Tổng cộng 35.400.000 đồng.

2. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí phúc thẩm dân sự: Bà Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0006974 ngày 5/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lâm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN VĂN NGỌT

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS H CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.